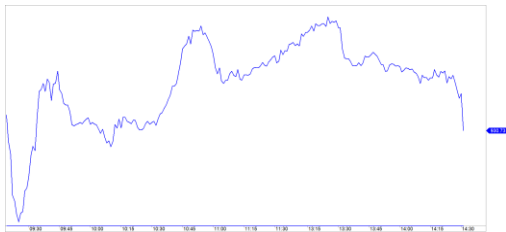


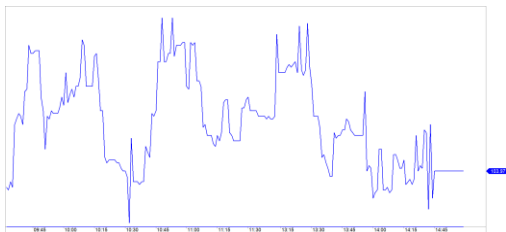
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	930.73	103.97	55.37
% ngày	-1.07%	-0.91%	-0.70%
% tuần	0.28%	2.63%	1.82%
% tháng	-3.90%	1.71%	-0.34%
% năm	2.43%	0.61%	1.02%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	2,752	479	380
TB 1 tuần	3,504	379	251
TB 1 tháng	3,620	360	227
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	415.56	2.47	37.33
Bán	381.21	32.38	53.79
Giá trị ròng	34.35	-29.91	-16.47
Độ rộng TT			
Mã Tăng	115	52	154
Mã Giảm	179	71	101
Không Đổi	95	249	648
Chỉ số chính			
P/E	14.53	9.07	14.46
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,225	202	877
LS Cổ tức	2.38%	5.45%	4.66%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Chỉ số VN-Index giảm sâu ngay từ lúc mở cửa trước lo ngại chung về số ca tử vong do virus nCov gia tăng trên thế giới. Tuy nhiên, chỉ số dần hồi phục sau đó đóng cửa giảm 1.07% dừng tại 930.73 điểm. Chỉ số HNX-Index có phiên giảm thứ 2 tương ứng 0.9% chốt tại 103.97 điểm. Dòng tiền suy yếu khi giá trị giao dịch khớp lệnh đạt hơn 2,621 tỷ đồng mức thấp nhất trong vòng 10 phiên gần đây.

Nhóm Ngân hàng ghi nhận áp lực bán mạnh trên diện rộng. Cụ thể, BID(-5%) chốt tại mức thấp nhất phiên tương ứng 49,100 đồng/cp. VPB(-3%), MBB(-1.9%), HDB(-1.5%), TCB(-1.4%), CTG(-1.1%) cũng cùng chung diễn biến điều chỉnh. Ở chiều ngược lại, CTD(+7%) ghi nhận phiên tăng mạnh thứ 3 liên tiếp và đồ thị giá đang mở rộng nhịp hồi phục từ vùng đáy 50,000 đồng/cp. Cùng chiều, ROS tăng kịch trần và có dấu hiệu cạn cung với khối lượng khớp lệnh đạt hơn 4,7 triệu/cp giảm mạnh so với thời gian trước đây. Dòng tiền có xu hướng dịch chuyển sang nhóm Mid-Cap và Small-Cap với các đại diện như DGW(+6.6%), TCH(+2.3%), HBC(+2.8%), HII(+7%), DLG(+5.8%)...

Khối ngoại giảm giao dịch trong phiên hôm nay và chỉ bán ròng nhẹ với hơn 12 tỷ đồng toàn thị trường. BID(13.7 tỷ), bị bán ròng nhiều nhất nhưng không đáng kể. Ở chiều ngược lại, VHM(22.3 tỷ), HPG(17.2 tỷ) được mua ròng tích cực nhất.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ quay trở lại đà tăng và các chỉ số chính có thể biến động hẹp. Đồng thời, thị trường có dấu hiệu sẽ sớm bước vào giai đoạn tích lũy và dòng tiền sẽ có sự phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu vẫn duy trì ở mức hiện tại cho thấy chiến lược ngắn hạn vẫn là nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu hiện tại và tìm kiếm cơ hội ở từng cổ phiếu.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên chỉ số VN-Index và VN30 với mức hỗ trợ lần lượt ở mức 912.70 điểm và 832.62 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu về mức khuyến nghị và mở vị thế mua mới.

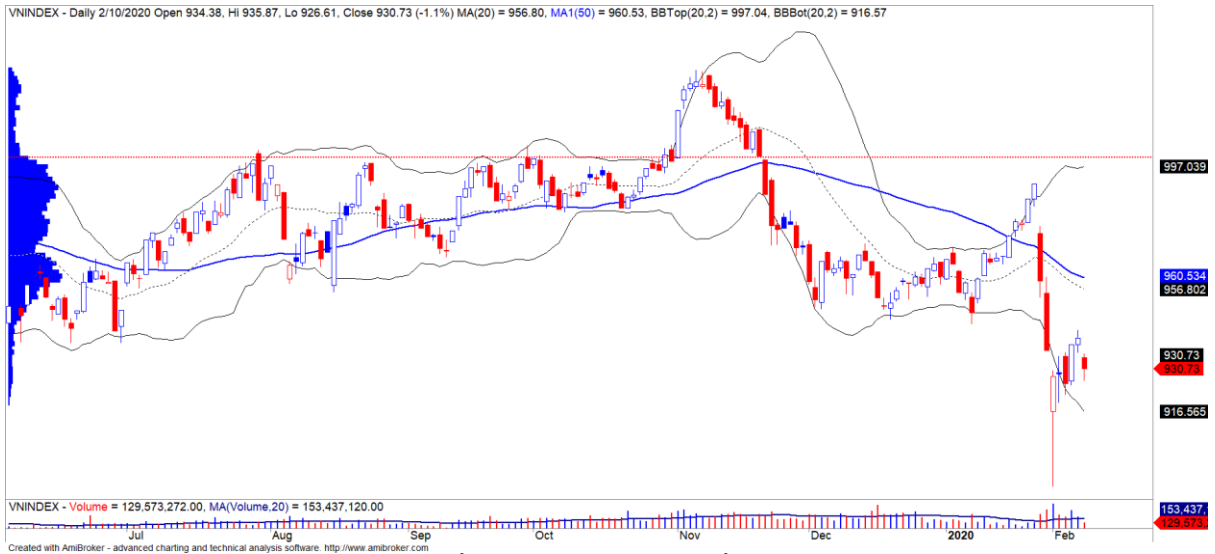
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 29% cổ phiếu/71% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

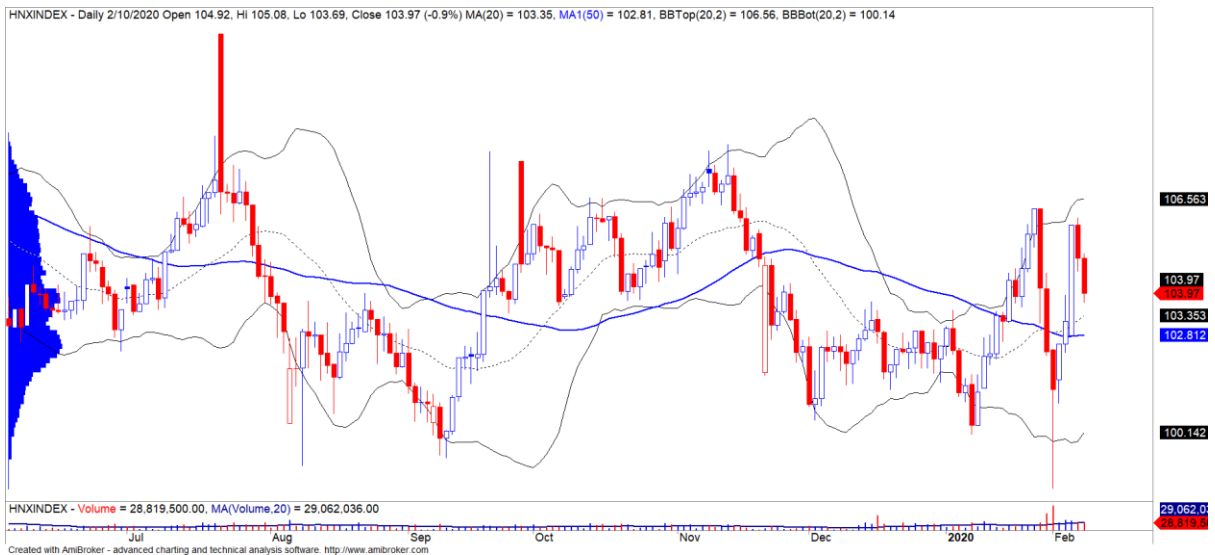


We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	TĂNG	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.10	TĂNG	GIẢM	11.95	11.35	1.26%			13.53		
ACB	23.60	TĂNG	TĂNG	24.00	22.57	-1.67%		24.00	22.57	-1.67%	
ACV	57.00	GIẢM	GIẢM		61.40				75.00		
ANV	18.60	TĂNG	GIẢM	18.80	17.72	-1.06%			23.43		
ASM	5.70	GIẢM	GIẢM		6.07				7.14		
BFC	10.40	GIẢM	GIẢM		11.04				13.05		
BID	49.10	GIẢM	GIẢM		55.97			33.40	49.22	47.36%	
BMP	40.65	GIẢM	GIẢM		43.42				48.01		
BSR	7.50	GIẢM	GIẢM		8.10				8.84		
BVH	57.50	GIẢM	GIẢM		60.36				69.81		
BWE	20.40	GIẢM	GIẢM		20.78				24.17		
CEO	8.60	GIẢM	GIẢM		8.62				9.70		
CII	23.80	GIẢM	TĂNG		25.48			26.00	22.83	-8.46%	
CMG	30.70	GIẢM	GIẢM		32.30				37.31		
CMX	15.50	GIẢM	GIẢM		17.71				16.17		
CSM	13.70	GIẢM	GIẢM		14.66				14.75		
CTD	60.70	TĂNG	GIẢM	56.80	49.92	6.87%			61.28		
CTG	26.60	TĂNG	TĂNG	20.60	25.20	29.13%		23.55	22.98	12.95%	
CTR	45.30	GIẢM	TĂNG		48.02			49.70	40.69	-8.85%	
CVT	20.35	TĂNG	GIẢM	20.35	19.05	0.00%			22.18		
DCM	5.80	GIẢM	GIẢM		5.90				6.45		
DGC	24.30	GIẢM	GIẢM		25.21				26.93		
DGW	26.55	TĂNG	TĂNG	24.85	23.41	6.84%		25.20	22.71	5.36%	
DHA	32.40	TĂNG	GIẢM	31.85	30.41	1.73%			32.52		
DHC	38.00	GIẢM	TĂNG		41.58			37.70	36.02	0.80%	
DHG	101.00	GIẢM	TĂNG		101.23			99.50	85.65	1.51%	
DIG	11.70	GIẢM	GIẢM		12.10				14.11		
DPG	26.20	GIẢM	GIẢM		27.66				37.15		
DPM	11.65	GIẢM	GIẢM		11.87				13.46		
DPR	38.00	GIẢM	TĂNG		40.16			41.30	36.21	-7.99%	
DQC	13.80	GIẢM	GIẢM		15.24				16.64		
DRC	23.10	GIẢM	GIẢM		24.62				27.34		
DXG	12.35	TĂNG	GIẢM	12.45	11.05	-0.80%			14.22		
EIB	17.45	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	-1.97%		18.40	16.46	-5.16%	
FCN	9.48	GIẢM	GIẢM		9.88				10.95		



We Create Fortune

FMC	24.75	GIẢM	GIẢM		25.60			27.29	25.00	-8.40%	BÁN
FPT	52.60	GIẢM	GIẢM		53.94				58.90		
GAS	86.80	GIẢM	GIẢM		87.45				98.55		
GEX	18.95	GIẢM	GIẢM	20.50	18.98	-7.40%	BÁN		20.84		
GIL	18.55	GIẢM	TĂNG		19.25			18.90	16.78	-1.85%	
GMD	19.30	GIẢM	GIẢM		19.77				22.53		
GTN	16.10	GIẢM	GIẢM		17.51				20.52		
GVR	10.80	GIẢM	GIẢM		11.30				13.25		
HAG	3.44	GIẢM	GIẢM		3.59				4.22		
HAX	14.15	GIẢM	GIẢM		14.30				16.92		
HBC	10.95	GIẢM	GIẢM		11.15				12.34		
HCM	18.35	GIẢM	GIẢM		19.90				23.33		
HDB	29.50	TĂNG	TĂNG	28.40	27.99	3.87%		29.95	29.24	-1.50%	MUA
HDC	20.60	GIẢM	GIẢM		21.10				24.90		
HDG	26.55	GIẢM	GIẢM		28.07				31.87		
HNG	13.60	GIẢM	GIẢM		13.78				14.89		
HPG	24.35	GIẢM	TĂNG		25.35			23.85	23.23	2.10%	
HSG	8.02	GIẢM	TĂNG		8.68			7.75	7.52	3.48%	
HT1	14.35	GIẢM	TĂNG		14.86			16.90	13.91	-15.09%	
HUT	2.10	GIẢM	GIẢM		2.33				2.71		
HVN	27.30	GIẢM	GIẢM		28.13				33.76		
KBC	14.90	GIẢM	TĂNG		15.27			15.35	14.21	-2.93%	
KDH	24.90	GIẢM	GIẢM		25.31			24.00	24.98	4.06%	BÁN
KSB	15.80	GIẢM	GIẢM		16.58				17.89		
LCG	6.70	GIẢM	GIẢM		6.88				8.11		
LDG	6.48	GIẢM	GIẢM		7.03				8.94		
LHG	14.40	GIẢM	GIẢM		15.04				16.79		
LPB	7.00	TĂNG	GIẢM	7.00	6.62	0.00%			7.29		
MBB	21.00	TĂNG	GIẢM	21.80	20.32	-3.67%			22.70		
MPC	22.20	TĂNG	TĂNG	22.00	19.28	0.91%		24.10	19.14	-7.88%	
MSN	49.90	GIẢM	GIẢM		51.76				58.99		
MSR	15.00	TĂNG	GIẢM	15.00	13.16	0.00%			16.05		
MWG	105.80	GIẢM	GIẢM		112.52				122.49		
NDN	14.10	GIẢM	GIẢM		15.06				17.24		
NKG	8.15	GIẢM	TĂNG		8.93			7.11	8.06	14.63%	BÁN
NLG	26.20	GIẢM	GIẢM		26.97			28.70	26.30	-8.38%	
NT2	20.40	TĂNG	TĂNG	19.80	19.20	3.03%		20.55	20.20	-0.73%	MUA
NTL	20.60	GIẢM	GIẢM		21.84			24.20	21.14	-12.66%	BÁN
NVL	54.10	GIẢM	GIẢM		56.74				59.44		

We Create Fortune

OIL	7.00	GIẢM	GIẢM		7.61			9.17		
PAC	22.60	GIẢM	GIẢM		24.12			26.37		
PC1	15.00	GIẢM	GIẢM		16.13			19.39		
PDR	25.95	TĂNG	TĂNG	26.50	24.77	-2.08%	29.00	25.19	-10.52%	
PHR	38.10	TĂNG	GIẢM	38.50	33.81	-1.04%		45.56		
PLX	51.60	GIẢM	GIẢM		53.12			59.63		
PNJ	81.50	GIẢM	GIẢM		86.66			94.79		
POW	9.68	GIẢM	GIẢM		10.35			12.20		
PVT	13.40	GIẢM	GIẢM		13.90			15.69		
PPC	26.75	TĂNG	TĂNG	26.80	25.09	-0.19%	28.40	24.39	-5.81%	
PTB	66.90	TĂNG	GIẢM	70.00	64.54	-4.43%		72.44		
PVB	16.50	GIẢM	GIẢM		17.40			19.44		
PVD	13.00	GIẢM	GIẢM		13.50			15.83		
PVI	32.00	TĂNG	GIẢM	32.00	31.73	0.00%	MUA	33.18		
PVS	16.10	TĂNG	GIẢM	16.90	15.11	-4.73%		19.30		
PXS	5.70	TĂNG	TĂNG	5.90	5.39	-3.39%	6.20	4.92	-8.06%	
QNS	28.40	TĂNG	GIẢM	27.70	27.30	2.53%		28.87		
REE	33.55	GIẢM	GIẢM		34.69			38.52		
SAB	195.00	GIẢM	GIẢM		208.72			239.78		
SAM	9.60	TĂNG	TĂNG	8.15	9.10	17.79%	7.40	8.72	29.73%	
SCR	5.16	TĂNG	GIẢM	5.30	5.02	-2.64%		5.89		
SHI	8.88	GIẢM	TĂNG		9.22		6.99	8.30	27.04%	
SJS	17.35	TĂNG	TĂNG	16.90	15.85	2.66%	17.00	14.89	2.06%	MUA
SKG	11.50	GIẢM	GIẢM		11.68			13.10		
SSI	17.55	GIẢM	GIẢM		17.93			19.73		
STB	10.95	TĂNG	TĂNG	10.95	10.51	0.00%	10.20	9.94	7.35%	
TCB	21.85	GIẢM	GIẢM		22.54			24.80		
TCM	19.25	GIẢM	TĂNG		20.74		20.65	18.90	-6.78%	
TDH	9.67	GIẢM	GIẢM		10.07			11.10		
TLH	3.44	GIẢM	GIẢM		3.73		3.96	3.49	-12.00%	BÁN
TNG	15.10	GIẢM	TĂNG		15.96		15.50	14.03	-2.58%	
VCB	88.90	GIẢM	TĂNG		91.95		62.00	86.74	43.39%	
VCG	25.10	TĂNG	GIẢM	25.80	24.54	-2.71%	19.20	25.28	31.66%	BÁN
VCS	73.60	TĂNG	GIẢM	71.80	64.27	2.51%		79.65		
VGC	17.40	GIẢM	GIẢM		18.10			18.86		
VGT	8.80	TĂNG	GIẢM	8.60	8.33	2.33%	9.10	8.95	-1.70%	MUA
VHC	33.60	GIẢM	GIẢM		34.58			41.72		
VHM	86.20	GIẢM	GIẢM		88.10			91.72		
VIB	17.00	GIẢM	TĂNG	17.80	17.07	-4.09%	BÁN	17.70	16.56	-3.95%



We Create Fortune

VIC	113.70	GIẢM	GIẢM		115.59			112.00	113.76	1.57%
VIP	5.08	TĂNG	GIẢM	5.08	4.87	0.00%			5.28	
VJC	129.00	TĂNG	GIẢM	131.20	123.62	-1.68%			146.47	
VND	13.85	GIẢM	TĂNG		14.54			14.70	13.53	-5.78%
VNG	19.00	GIẢM	GIẢM		19.67				20.87	
VNM	109.00	GIẢM	GIẢM		111.71				123.69	
VPB	24.60	TĂNG	TĂNG	20.00	23.46	23.00%		21.90	20.59	12.33%
VPI	42.25	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-0.47%		41.30	40.54	2.30%
VRC	5.85	GIẢM	GIẢM		6.97				10.69	
VRE	31.10	TĂNG	GIẢM	32.00	29.15	-2.81%			34.37	
VSC	25.30	GIẢM	TĂNG		26.09			27.00	24.46	-6.30%

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGECAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	23.60	TĂNG	TĂNG	24.00	22.57	-1.67%		24.00	22.57	-1.67%	
BID	49.10	GIẢM	GIẢM		55.97			33.40	49.22	47.36%	
BSR	7.50	GIẢM	GIẢM		8.10				8.84		
BVH	57.50	GIẢM	GIẢM		60.36				69.81		
CTG	26.60	TĂNG	TĂNG	20.60	25.20	29.13%		23.55	22.98	12.95%	
FPT	52.60	GIẢM	GIẢM		53.94				58.90		
GAS	86.80	GIẢM	GIẢM		87.45				98.55		
GEX	18.95	GIẢM	GIẢM	20.50	18.98	-7.40%	BÁN		20.84		
GVR	10.80	GIẢM	GIẢM		11.30				13.25		
HDB	29.50	TĂNG	TĂNG	28.40	27.99	3.87%		29.95	29.24	-1.50%	MUA
HNG	13.60	GIẢM	GIẢM		13.78				14.89		
HPG	24.35	GIẢM	TĂNG		25.35			23.85	23.23	2.10%	
HVN	27.30	GIẢM	GIẢM		28.13				33.76		
KDH	24.90	GIẢM	GIẢM		25.31			24.00	24.98	4.06%	BÁN
MBB	21.00	TĂNG	GIẢM	21.80	20.32	-3.67%			22.70		
MSN	49.90	GIẢM	GIẢM		51.76				58.99		
MWG	105.80	GIẢM	GIẢM		112.52				122.49		
NVL	54.10	GIẢM	GIẢM		56.74				59.44		
OIL	7.00	GIẢM	GIẢM		7.61				9.17		
PLX	51.60	GIẢM	GIẢM		53.12				59.63		
PNJ	81.50	GIẢM	GIẢM		86.66				94.79		
POW	9.68	GIẢM	GIẢM		10.35				12.20		

We Create Fortune

QNS	28.40	TĂNG	GIẢM	27.70	27.30	2.53%			28.87		
REE	33.55	GIẢM	GIẢM		34.69				38.52		
ROS	8.06	GIẢM	GIẢM		8.70				13.39		
SBT	18.00	GIẢM	TĂNG		18.11			17.50	17.46	2.86%	
SSI	17.55	GIẢM	GIẢM		17.93				19.73		
STB	10.95	TĂNG	TĂNG	10.95	10.51	0.00%		10.20	9.94	7.35%	
TCB	21.85	GIẢM	GIẢM		22.54				24.80		
TPB	20.90	GIẢM	GIẢM		21.43				23.94		
VCB	88.90	GIẢM	TĂNG		91.95			62.00	86.74	43.39%	
VCG	25.10	TĂNG	GIẢM	25.80	24.54	-2.71%		18.44	25.28	37.08%	BÁN
VCS	73.60	TĂNG	GIẢM	71.80	64.27	2.51%			79.65		
VEA	44.00	TĂNG	GIẢM	45.50	42.41	-3.30%			59.45		
VGI	25.30	GIẢM	GIẢM		25.95				28.29		
VHM	86.20	GIẢM	GIẢM		88.10				91.72		
VIB	17.00	GIẢM	TĂNG	17.80	17.07	-4.09%	BÁN	15.00	16.56	13.30%	
VIC	113.70	GIẢM	GIẢM		115.59			112.00	113.76	1.57%	
VJC	129.00	TĂNG	GIẢM	131.20	123.62	-1.68%			146.47		
VNM	109.00	GIẢM	GIẢM		111.71				123.69		
VPB	24.60	TĂNG	TĂNG	20.00	23.46	23.00%		21.90	20.59	12.33%	
VRE	31.10	TĂNG	GIẢM	32.00	29.15	-2.81%			34.37		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	12.10	TĂNG	GIẢM	11.95	11.35	1.26%			13.53		
ANV	18.60	TĂNG	GIẢM	18.80	17.72	-1.06%			23.43		
ASM	5.70	GIẢM	GIẢM		6.07				7.14		
BMI	24.30	GIẢM	TĂNG		25.09			26.70	23.99	-8.99%	
BMP	40.65	GIẢM	GIẢM		43.42				48.01		
BWE	20.40	GIẢM	GIẢM		20.78				24.17		
CEO	8.60	GIẢM	GIẢM		8.62				9.70		
CII	23.80	GIẢM	TĂNG		25.48			26.00	22.83	-8.46%	
CRE	22.75	GIẢM	GIẢM		23.64				24.96		
CTI	22.20	TĂNG	GIẢM	22.20	21.85	0.00%	MUA		23.07		
CTR	45.30	GIẢM	TĂNG		48.02			43.70	40.69	3.66%	
D2D	52.50	TĂNG	GIẢM	54.90	48.58	-4.37%			71.63		
DBD	54.80	TĂNG	GIẢM	58.00	54.48	-5.52%			60.29		



We Create Fortune

DCM	5.80	GIẢM	GIẢM		5.90			6.45			
DGW	26.55	TĂNG	TĂNG	24.85	23.41	6.84%		25.20	22.71	5.36%	
DHC	38.00	GIẢM	TĂNG		41.58			37.70	36.02	0.80%	
DIG	11.70	GIẢM	GIẢM		12.10			14.11			
DPG	26.20	GIẢM	GIẢM		27.66			37.15			
DPM	11.65	GIẢM	GIẢM		11.87			13.46			
DRC	23.10	GIẢM	GIẢM		24.62			27.34			
DXG	12.35	TĂNG	GIẢM	12.45	11.05	-0.80%		14.22			
E1VFN30	14.25	GIẢM	GIẢM		14.52			15.42			
FCN	9.48	GIẢM	GIẢM		9.88			10.95			
FLC	3.93	GIẢM	GIẢM		4.20			4.98			
GEG	24.70	GIẢM	GIẢM		25.86			27.32			
GMD	19.30	GIẢM	GIẢM		19.77			22.53			
GTN	16.10	GIẢM	GIẢM		17.51			20.52			
HAG	3.44	GIẢM	GIẢM		3.59			4.22			
HBC	10.95	GIẢM	GIẢM		11.15			12.34			
HCM	18.35	GIẢM	GIẢM		19.90			23.33			
HDC	20.60	GIẢM	GIẢM		21.10			24.90			
HDG	26.55	GIẢM	GIẢM		28.07			31.87			
HPX	26.50	TĂNG	#N/A	27.50	26.12	-3.64%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.02	GIẢM	TĂNG		8.68			7.75	7.52	3.48%	
HT1	14.35	GIẢM	TĂNG		14.86			16.90	13.91	-15.09%	
HTM	19.00	TĂNG	TĂNG	19.60	16.31	-3.06%		20.00	15.34	-5.00%	
IBC	20.80	TĂNG	GIẢM	20.80	19.65	0.00%		21.22			
IDI	4.15	GIẢM	GIẢM		4.46			5.38			
IJC	13.40	GIẢM	GIẢM		14.16			16.08			
ITA	2.22	GIẢM	GIẢM		2.37			2.83			
KBC	14.90	GIẢM	TĂNG		15.27			14.85	14.21	0.36%	
KDC	17.90	GIẢM	GIẢM		19.21			20.82	18.08	-13.16%	
KOS	28.50	GIẢM	TĂNG		30.22			26.30	26.34	8.37%	
KSB	15.80	GIẢM	GIẢM		16.58			17.89			
LDG	6.48	GIẢM	GIẢM		7.03			8.94			
LPB	7.00	TĂNG	GIẢM	7.00	6.62	0.00%		7.29			
MBG	16.70	GIẢM	GIẢM		16.70			26.71			
MBS	12.60	GIẢM	GIẢM		14.83			15.75			
MPC	22.20	TĂNG	TĂNG	22.00	19.28	0.91%		24.10	19.14	-7.88%	
NBB	20.15	GIẢM	GIẢM		20.91			22.02			
NKG	8.15	GIẢM	TĂNG		8.93			7.11	8.06	14.63%	BÁN



We Create Fortune

NLG	26.20	GIẢM	GIẢM		26.97			26.28	26.30	0.06%	
NT2	20.40	TĂNG	TĂNG	19.80	19.20	3.03%		20.55	20.20	-0.73%	MUA
NTL	20.60	GIẢM	GIẢM		21.84			24.20	21.14	-12.66%	BÁN
NVB	9.00	GIẢM	TĂNG		9.49			8.50	8.62	5.88%	
OGC	3.39	GIẢM	GIẢM		3.57				3.88		
PC1	15.00	GIẢM	GIẢM		16.13				19.39		
PDR	25.95	TĂNG	TĂNG	26.50	24.77	-2.08%		23.59	25.19	9.98%	
PHR	38.10	TĂNG	GIẢM	38.50	33.81	-1.04%			45.56		
PPC	26.75	TĂNG	TĂNG	26.80	25.09	-0.19%		28.40	24.39	-5.81%	
PTB	66.90	TĂNG	GIẢM	70.00	64.54	-4.43%			72.44		
PVD	13.00	GIẢM	GIẢM		13.50				15.83		
PVI	32.00	TĂNG	GIẢM	32.00	31.73	0.00%	MUA		33.18		
PVS	16.10	TĂNG	GIẢM	16.90	15.11	-4.73%			19.30		
PVT	13.40	GIẢM	GIẢM		13.90				15.69		
QCG	3.52	GIẢM	GIẢM		3.79				4.28		
SCR	5.16	TĂNG	GIẢM	5.30	5.02	-2.64%			5.89		
SGP	6.30	GIẢM	GIẢM		6.64				8.37		
SHB	6.80	GIẢM	TĂNG	6.40	6.95	8.57%	BÁN	7.10	5.56	-4.23%	
SHS	7.10	GIẢM	GIẢM		7.22				8.11		
SZC	15.40	TĂNG	GIẢM	15.55	14.11	-0.96%			18.18		
TCH	44.05	TĂNG	TĂNG	30.05	41.49	46.59%		26.15	36.91	68.45%	
TCM	19.25	GIẢM	TĂNG		20.74			20.65	18.90	-6.78%	
TDH	9.67	GIẢM	GIẢM		10.07				11.10		
TNG	15.10	GIẢM	TĂNG		15.96			15.50	14.03	-2.58%	
TTB	3.45	GIẢM	GIẢM		3.59				6.11		
VGC	17.40	GIẢM	GIẢM		18.10				18.86		
VGT	8.80	TĂNG	GIẢM	8.60	8.33	2.33%		9.10	8.95	-1.70%	MUA
VHC	33.60	GIẢM	GIẢM		34.58				41.72		
VND	13.85	GIẢM	TĂNG		14.54			14.70	13.53	-5.78%	
VNG	19.00	GIẢM	GIẢM		19.67				20.87		
VPI	42.25	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-0.47%		41.30	40.54	2.30%	



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	7.20	GIẢM	GIẢM		8.00			9.00	7.48	-16.87%	BÁN
AGR	3.35	TĂNG	GIẢM	3.60	3.27	-6.94%			3.87		
AMD	1.72	GIẢM	GIẢM		1.93				2.33		
APG	11.10	TĂNG	TĂNG	10.70	10.67	3.74%		9.90	9.31	12.12%	
ART	2.30	GIẢM	TĂNG		2.60			2.30	2.12	0.00%	
BCG	6.15	TĂNG	GIẢM	6.59	5.75	-6.68%			7.40		
C4G	5.80	GIẢM	GIẢM		6.30				6.98		
C69	6.30	TĂNG	GIẢM	6.30	5.14	0.00%			10.61		
CCL	6.00	GIẢM	GIẢM		6.76			7.88	6.27	-20.46%	BÁN
CVT	20.35	TĂNG	GIẢM	20.35	19.05	0.00%			22.18		
DAH	8.29	GIẢM	GIẢM		9.01				10.48		
DLG	1.82	GIẢM	GIẢM		1.92				2.30		
DRH	3.57	TĂNG	GIẢM	3.63	3.15	-1.65%			4.24		
DTD	9.80	GIẢM	GIẢM		10.30				12.04		
EVG	2.45	GIẢM	GIẢM		2.62				2.80		
FIT	7.60	GIẢM	GIẢM		8.67				10.50		
FTM	1.85	TĂNG	GIẢM	1.84	1.61	0.54%			3.13		
FUES SV50	12.40	GIẢM	GIẢM		12.49				13.06		
GKM	15.80	TĂNG	TĂNG	15.00	14.99	5.33%		14.90	14.67	6.04%	
HAH	10.50	GIẢM	GIẢM		10.89				12.41		
HAI	2.47	GIẢM	GIẢM		2.81				3.33		
HAR	3.16	GIẢM	GIẢM		3.41				4.15		
HDA	8.70	GIẢM	GIẢM		9.40				10.46		
HHP	12.40	GIẢM	GIẢM		12.89				13.13		
HHS	4.03	TĂNG	TĂNG	4.03	3.62	0.00%		3.36	3.16	19.94%	
HID	2.49	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	5.51%		2.63	2.16	-5.32%	
HII	10.75	TĂNG	TĂNG	9.61	9.19	11.86%			10.51		
HQC	1.00	GIẢM	GIẢM		1.05				1.19		
HSL	6.03	GIẢM	GIẢM		6.83				8.34		
HUT	2.10	GIẢM	GIẢM		2.33				2.71		
HVG	7.94	GIẢM	TĂNG		8.68			3.90	6.94	103.59%	
HVH	11.25	GIẢM	GIẢM		11.81				16.03		
IDJ	10.00	TĂNG	TĂNG	9.20	8.23	8.70%		7.20	6.50	38.89%	
JVC	3.63	GIẢM	GIẢM		3.76				3.79		



We Create Fortune

KLF	1.40	GIẢM	TĂNG		1.57			1.50	1.33	-6.67%	
LCG	6.70	GIẢM	GIẢM		6.88				8.11		
LGL	6.36	GIẢM	GIẢM		7.30				8.55		
LHG	14.40	GIẢM	GIẢM		15.04				16.79		
LMH	2.50	GIẢM	GIẢM		2.68				5.08		
MST	5.10	GIẢM	TĂNG		5.30			3.40	4.34	50.00%	
NDN	14.10	GIẢM	GIẢM		15.06				17.24		
PHC	10.50	GIẢM	GIẢM		10.91				11.91		
PLP	9.15	GIẢM	GIẢM		9.44				10.90		
PVB	16.50	GIẢM	GIẢM		17.40				19.44		
PVC	6.10	GIẢM	GIẢM		6.39				7.13		
PVX	1.00	GIẢM	GIẢM		1.17				1.45		
PXL	7.60	TĂNG	TĂNG	8.10	7.28	-6.17%		6.70	6.66	13.43%	
SHI	8.88	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	54.03%	
SJF	1.65	GIẢM	GIẢM		1.84				2.06		
SPP	1.70	TĂNG	GIẢM	1.70	1.45	0.00%			2.27		
TDC	8.07	GIẢM	GIẢM		8.45				9.04		
TIG	5.70	GIẢM	TĂNG		6.31			3.20	5.54	78.13%	
TLH	3.44	GIẢM	GIẢM		3.73			3.96	3.49	-12.00%	BÁN
TNA	17.80	GIẢM	GIẢM		19.19				22.82		
TNI	10.30	GIẢM	TĂNG		10.41			10.90	9.99	-5.50%	
TSC	2.12	GIẢM	GIẢM		2.34				3.21		
TTF	2.40	GIẢM	GIẢM		2.56				2.97		
TTH	2.60	TĂNG	GIẢM	2.70	2.49	-3.70%			2.89		
TVC	22.80	TĂNG	TĂNG	22.00	20.40	3.64%		14.30	18.60	59.44%	
VC3	16.40	GIẢM	TĂNG		17.16			22.00	16.32	-25.45%	
VCR	8.60	GIẢM	GIẢM		9.35				12.75		
VNA	2.70	GIẢM	GIẢM		3.10				3.99		
VNE	3.56	GIẢM	GIẢM		3.77				3.70		
VRC	5.85	GIẢM	GIẢM		6.97				10.69		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)			Sàn GDCK Hà Nội (HSX)			Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%		Điểm	Chg%		Điểm	Chg%
VNI	940.75	0.24%	HNI	104.92	-0.87%	UPCoM	55.76	0.27%
VN30	863.49	0.07%	HN30	183.25	-0.97%			
VN Mid	894.38	0.24%	VNX	826.2	0.24%			
VN Small	722	0.22%	AllSh					

GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)		GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	761.8		Mua	15.87		Mua	63.47	
Bán	888.17		Bán	17.55		Bán	46.35	
GT rỗng	-126.36		GT rỗng	-1.68		GT rỗng	17.12	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DPG	1800	6.98%	VCS	4300	6.37%	HND	1900	12.84%
CTD	3700	6.97%	AMV	800	4.26%	CTR	1900	4.22%
ROS	490	6.95%	TVC	800	3.77%	PXL	200	2.67%
PHR	2500	6.94%	TAR	1000	3.23%	GVR	200	1.87%
HHS	260	6.90%	MBG	500	3.13%	MPC	400	1.84%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%	Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DCL	-1500	-6.93%	SHB	-500	-6.58%	BSR	-100	-1.30%
CTF	-1100	-4.67%	PVS	-500	-2.96%	ACV	-400	-0.67%
DLG	-80	-4.44%	NVB	-200	-2.17%	BOT	-100	-0.18%
KOS	-1000	-3.44%	MBS	-200	-1.42%	C4G	0	0.00%
HPG	-850	-3.37%	SHS	-100	-1.39%	VEA	0	0.00%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng		GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	386,950		ACB	39,756		ACV	129,368	
VCB	331,574		SHB	13,341		VEA	58,613	
VHM	285,530		VCG	11,087		MCH	47,792	
BID	213,971		VCS	10,800		GVR	42,884	
VNM	187,198		PVS	8,078		BCM	27,394	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày	KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
STB	14,963,660	7,138,049	SHB	10,890,704	8,970,699	BSR	2,685,672	2,584,102
CTG	8,960,350	9,053,412	SHS	2,678,134	506,122	LPB	1,486,586	892,735
HPG	8,120,240	7,951,866	NVB	2,588,610	1,839,372	SDD	867,200	5,562
MBB	8,050,600	6,829,866	PVS	2,528,864	2,570,913	ACV	692,500	114,666
DLG	6,931,420	8,050,072	ACB	2,007,380	2,669,504	KSH	680,938	336,478

Nguồn: Bloomberg & YSVN

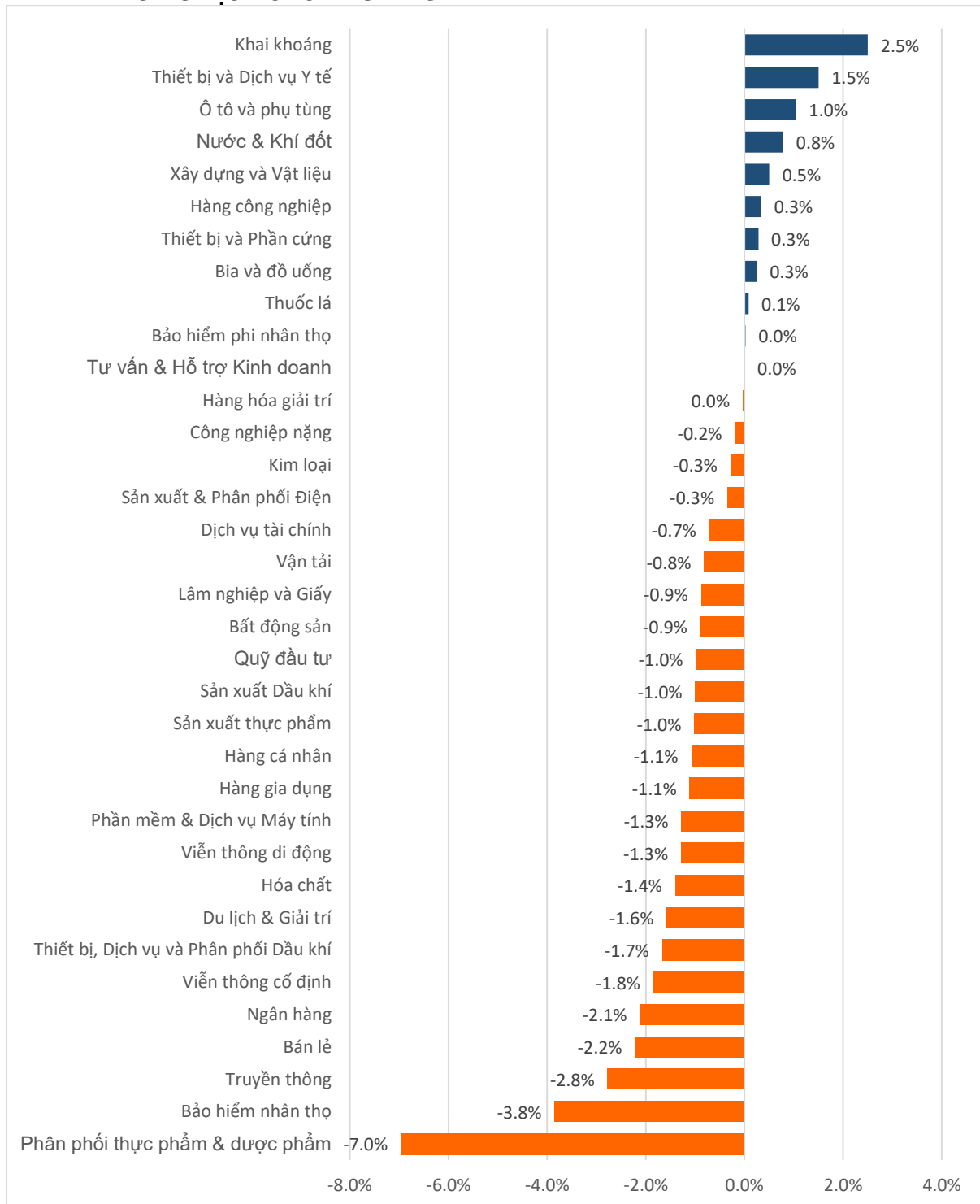
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



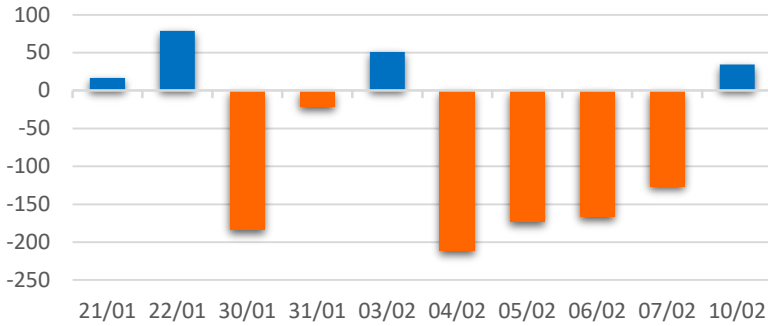
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

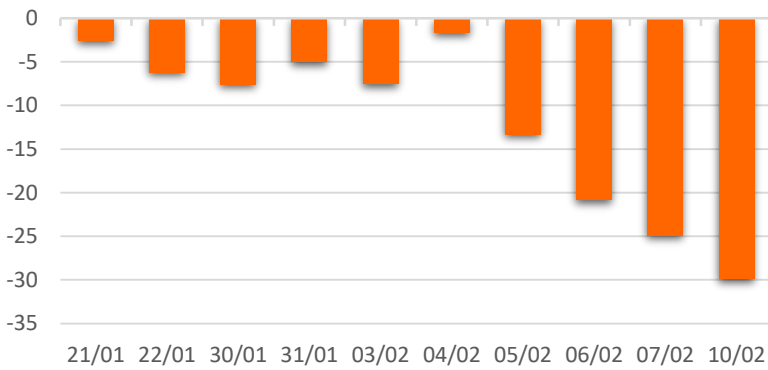
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	31,531	VIC	60,161
VRE	31,192	POW	41,038
HDB	21,511	BID	30,622
VJC	16,491	NVL	28,876
VHM	7,755	CII	17,675

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

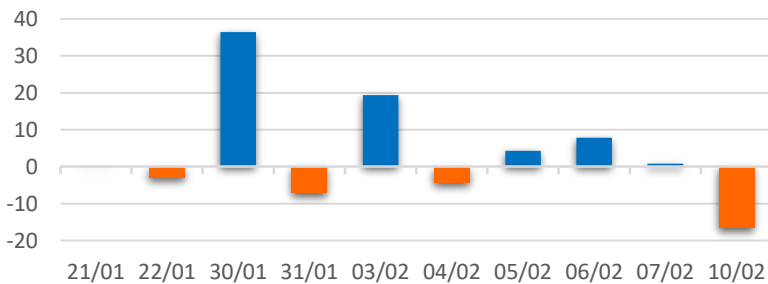
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VCS	7,297	PVS	9,901
SHB	2,569	NTP	2,603
TNG	649	S55	618
TIG	354	PMC	267
NRC	307	VCG	249

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
BSR	10,246	MPC	1,227
LPB	4,851	FOC	536
VEA	761	LTG	141
QNS	456	ACV	124
MCH	387	IFS	52

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



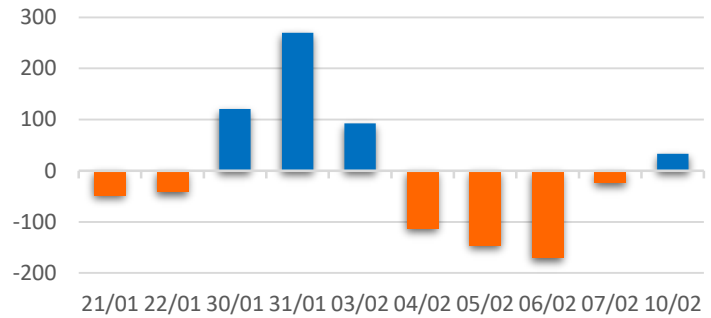
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

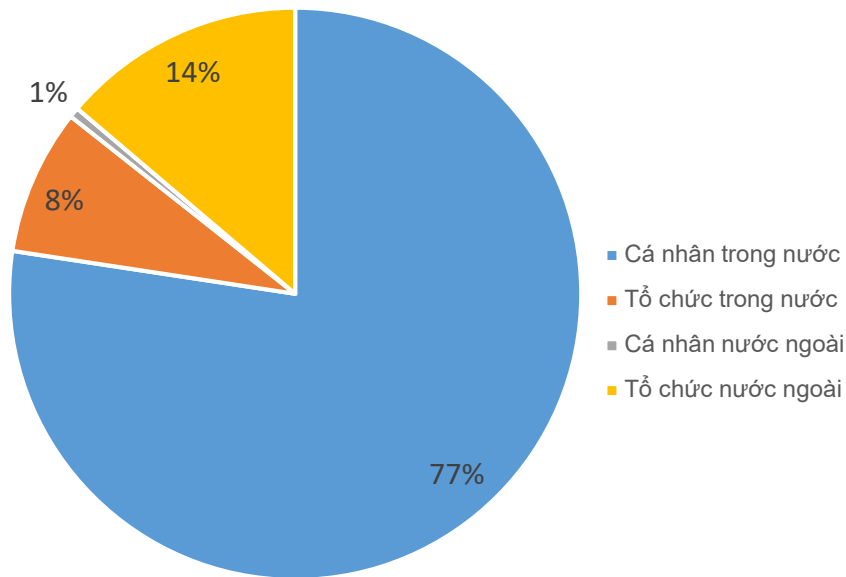
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	39,107	E1VFN30	25,528
MWG	17,063	MBB	22,885
GEX	10,293	MWG	11,441
MBB	8,662	VPB	6,641
HPG	4,173	PLX	6,544

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

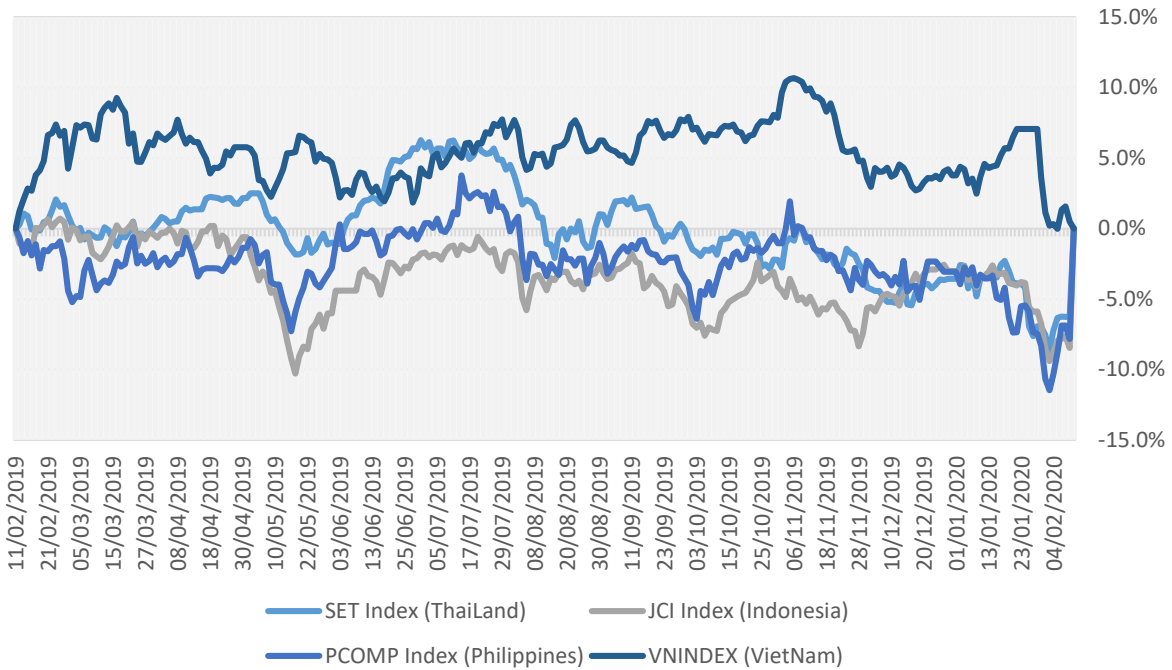


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

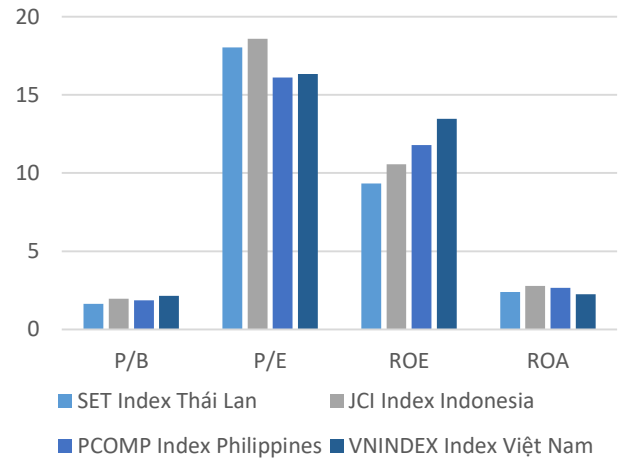
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.6x	2.0x	1.9x	2.2x
P/E		18.0x	18.6x	16.1x	16.3x
ROE	%	9.33	10.56	11.79	13.48
ROA	%	2.39	2.78	2.66	2.24
Vốn hóa	Tỷ USD	518.90	507.78	184.22	138.47
GTGD	Triệu USD	1.69	0.32	0.06	0.13
LS cổ tức	%	3.37	2.53	1.68	2.08

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền

Trưởng phòng NC-PT

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Mạnh Hoạt

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Đinh Thị Thu Cúc

Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written